

Bản án số: 63/2019/HS-ST

Ngày 20-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi

Ông Nguyễn Văn Gia

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2019/TLST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019; Theo quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/HSST-QĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hà Thị D; Vợ: Dương Thị H, sinh năm 1986 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019); Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2019 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Họ và tên Nguyễn Văn N (tên gọi khác L), sinh năm: 1977.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Lương P, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Nghiêm Thị V; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 và có 03 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2017); Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1995, bị Tòa án nhân dân quận H, TP.Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Năm 1999, bị Tòa án nhân dân quận H, TP.Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 24 tháng tù về các tội “Hủy hoại tài sản và Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2019 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Bị hại:* Chị Dương Thị Q, sinh năm: 1998.

Nơi cư trú: Xóm G, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Dương Thị H, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, trú tại: thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang và chị Dương Thị Q, sinh năm: 1998, trú tại: xóm G, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có mối quan hệ tình cảm yêu đương nhau được khoảng hơn một năm, vì có mâu thuẫn chuyện tình cảm, nên khoảng 18 giờ ngày 23/02/2019, Nguyễn Văn H đến nhà Nguyễn Văn N, sinh năm: 1977, trú tại: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang, là người quen biết từ trước đã thuê N đi cướp chiếc điện thoại di động của chị Q, thì được N đồng ý. Sau đó H cùng N đi đến huyện P, tỉnh Thái Nguyên, tìm cơ hội để cướp điện thoại của chị Q. Khi đi đến ngã tư C, xã K, huyện P, thì H và N đi vào uống nước ở quán ven đường để bàn bạc, vì H biết rõ con đường chị Q thường xuyên đi về nhà, nên đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô Honda SH mode màu đỏ, BKS: 98D1-54545 chở N đến khu vực cầu sắt thuộc xóm P, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, nơi vắng người đi lại và xa nhà dân để đợi chị Q đi làm về qua thì chặn lại cướp điện thoại. Sau khi bàn bạc xong H lấy từ trong cốp xe máy, sau đưa cho N 01 đoạn kim loại màu trắng hình trụ, đập dẹt kích thước 11,5x2,5cm để N dùng vào việc đe dọa chị Q. Sau đó, H một mình quay lại đoạn ngã tư C, chỗ chị Q gửi xe máy để theo dõi, thì thấy chị Q đang lấy xe để đi về nhà nên đã gọi điện thoại cho N biết đặc điểm xe của chị Q để N chặn lại còn H điều khiển xe mô tô của H đi phía sau để theo dõi chị Q đi trên đường. Nhận được

thông tin từ H, N đã kéo cành tre khô chắn ngang qua đường đi, sau đó tay N cầm một đoạn kim loại mà trước đó H đưa, mặt bịt khẩu trang đứng trong bụi cây ở rìa đường. Khi thấy chị Q đi đến dừng lại, N đã lao ra chặn xe tay trái N bịt miệng, tay phải N cầm đoạn kim loại dí vào lưng chị Q và yêu cầu chị Q đưa điện thoại cho N. Do sợ hãi nên chị Q buộc phải đưa chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng cho N, lấy được điện thoại thì N thả cho chị Q đi, chị Q đi được một đoạn thì hô “cướp” nhưng do đường vắng nên không có ai giúp, còn N cầm chiếc điện thoại cướp được chạy quay lại chỗ H đứng đợi cách khoảng 50 mét rồi cả hai cùng đi về nhà N, H trả công cho N số tiền 1.000.000 đồng, sau đó H mang chiếc điện thoại cướp được về nhà cất giấu.

Ngày 24/02/2019, chị Dương Thị Q đã làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/2/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành triệu tập Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N đến để làm việc; đã tiến hành thu giữ tại nhà ở của H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus do H và N cướp được. Tại Cơ quan điều tra H và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của H và N là có căn cứ phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan CSĐT đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hồi 13 giờ 05 phút ngày 14/03/2019, tại Công an huyện P đã tiến hành mở niêm phong, kiểm tra chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn N để xác định các nội dung thông tin bên trong điện thoại, thì thấy có cuộc điện thoại của H gọi đến, theo N khai H gọi đến để nói nội dung đi cướp điện thoại.

Ngày 26/02/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã yêu cầu định giá tài sản là 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng đã qua sử dụng. Ngày 04/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng đã qua sử dụng có giá là 9.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSPB ngày 11/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N về tội: “Cướp tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N phạm tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 1.000.000 đồng do bị cáo N phạm tội mà có;

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn thanh kim loại màu trắng hình trụ bị đập dẹt, một đầu bị uốn cong, kích thước 11,5x2,5cm;

- Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 màu vàng đen của bị cáo H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh của bị cáo N là phương tiện phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 màu xanh đen của bị cáo H để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N chứng minh nhân dân số 122329227.

- Đối với vật chứng, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để quản lý, sử dụng, cụ thể như sau:

- Bị hại chị Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng;

- Người có quyền lợi liên quan chị H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 98D1-54545.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để các bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng 20 giờ ngày 23/02/2019, tại khu vực Cầu sắt thuộc xóm P, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo: Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N đã bàn bạc thống nhất với nhau từ trước và hứa trả tiền công cho N để thực hiện hành vi cướp tài sản của chị Dương Thị Q. Bị cáo N đã thực hiện hành vi dùng cành tre khô kéo chặn ngang đường, còn H điều khiển xe mô tô đi phía sau chị Q trên đường đi làm từ Cầu C về nhà để báo hiệu. Sau khi N phát hiện thấy chị Q điều khiển xe mô tô đi đến chỗ N chờ thì dừng lại, N tiến đến gần sát chị Q dùng 01(một) thanh kim loại màu trắng hình trụ bị đập dẹt dài 11,5x2,5cm khống chế cướp tài sản của chị Q 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, trị giá là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Sau khi cướp được tài sản của chị Q, các bị cáo cùng nhau đi về nhà N và H đã trả công cho N 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội: "Cướp tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật hình sự:

1. *Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 đến 15 năm:*

d) *Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác.*

6. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Nguyên nhân phạm tội chỉ vì mâu thuẫn trong chuyện tình cảm yêu đương giữa bị cáo H và bị hại chị Q nên H đã thuê N

thực hiện hành vi cướp tài sản của chị Q. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự để răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: Bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự; đối với bị cáo N (L): Năm 1995, bị Tòa án nhân dân quận H, TP.Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 1999, bị Tòa án nhân dân quận H, TP.Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 24 tháng tù về các tội “Hủy hoại tài sản và Cố ý gây thương tích”. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội tỏ ra coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành công dân tốt.

[7] Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo: Bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê và thuê bị cáo N thực hiện tội phạm, bị cáo N là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo đã gây ra.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại chị Q trình bày: Tôi đã nhận lại tài sản 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng do Cơ quan CSĐT trả lại và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo pháp luật. Xét thấy yêu cầu của bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng CQĐT đã trả lại cho chị Q quản lý, sử dụng nên không đặt ra việc giải quyết;

- Đối với 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 98D1-54545 CQĐT đã trả lại cho chị H quản lý, sử dụng nên không đặt ra việc giải quyết.

- Đối với 1.000.000 đồng do bị cáo N phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 đoạn thanh kim loại màu trắng hình trụ bị đập dẹt, một đầu bị uốn cong, kích thước 11,5x2,5cm là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 màu vàng của bị cáo H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh của bị cáo N là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 màu xanh đen thu giữ của bị cáo H cần tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án;

- Đối với chứng minh nhân dân số 122329227 của bị cáo N không liên quan gì đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[12] Về tạm giam các bị cáo: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, ra quyết định tạm giam các bị cáo H và N với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38, 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N (tên gọi khác Nguyễn Văn L) phạm tội: “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt Nguyễn Văn H **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/02/2019.

Xử phạt Nguyễn Văn N **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/02/2019.

3. Ra quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 1.000.000 đồng do bị cáo N phạm tội mà có;

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn thanh kim loại màu trắng hình trụ bị đập dẹt, một đầu bị uốn cong, kích thước 11,5x2,5cm;

- Tịch thu 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 màu vàng của bị cáo H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh của bị cáo N để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Tạm giữ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 màu xanh đen thu giữ của bị cáo H để đảm bảo cho việc Thi hành án;

- Trả lại 01 chứng minh nhân dân số 122329227 cho bị cáo Nguyễn Văn N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2019 và ủy nhiệm chi ngày 17/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Các bị cáo, BH, NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung